

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
*Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***

Bản án số: 195/2019/DS-PT
Ngày: 18/7/2019
V/v: Tranh chấp chia thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
*Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Như Lâm

Các thẩm phán:

Bà Nguyễn Thu Hồng

Bà Đặng Mạnh Cẩm Yến

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vương Thùy Dương - Cán bộ
Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà Trịnh Thu Tân -
Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét
xử phúc thẩm công khai vụ án T1 lý số 136/2017/TLPT-DS ngày 02/10/2017 về
việc "Tranh chấp chia thừa kế".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2017/DS-ST ngày 05/4/2017 của Tòa án
nhân dân quận Hoàng Mai bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 151/2019/QĐ-PT ngày
20/5/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Nguyễn Thị M; sinh năm 1955. Có mặt tại phiên tòa.

1.2. Bà Nguyễn Thị Th; sinh năm: 1960. Có mặt tại phiên tòa.

Bà M, bà Th cùng trú tại: Phòng X B2 tập thể Khương Thượng, phường
Khương Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

1.3. Bà Nguyễn Thị N; sinh năm: 1963. Có mặt tại phiên tòa.

Trú tại: Y tập thể Đại học Y Hà Nội, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Các nguyên đơn ủy quyền cho:

1.1. Bà Lã Thị C: sinh năm: 1954. Có mặt tại phiên tòa.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: số X phố Y, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai
Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

1.2. Bà Bạch Tuyết H; sinh năm: 1965. Vắng mặt tại phiên tòa.

Trú tại: phường Bách KH, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Trọng T1; sinh năm: 1943. Vắng mặt tại phiên tòa.

2.2. Ông Nguyễn Trọng T2; sinh năm: 1952. Vắng mặt tại phiên tòa.

2.3. Ông Nguyễn Trọng T3; sinh năm: 1957. Vắng mặt tại phiên tòa.

Ông T1, ông T2, ông T3 cùng trú tại: Số Z, phường Hoàng Văn T1, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội. (Số cũ là 414, tổ 13, phường Hoàng Văn T1, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Nguyễn Thu H; sinh năm: 1986; trú tại: 673/61/31 Ngọc Hồi, Khu X3, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

3.2. Bà Phạm Thị Q; sinh năm: 1973. Vắng mặt tại phiên tòa.

3.3. Bà Kim Thị N; sinh năm: 1958. Vắng mặt tại phiên tòa.

3.4. Bà Bùi Thị Thanh H; sinh năm: 1964. Vắng mặt tại phiên tòa.

3.5. Chị Nguyễn Thị Kim N; sinh năm: 1987. Vắng mặt tại phiên tòa.

3.6. Chị Nguyễn Thị P.A; sinh năm: 1994. Vắng mặt tại phiên tòa.

3.7. Chị Nguyễn Thị Cẩm T; sinh năm: 1988. Vắng mặt tại phiên tòa.

3.8. Anh Nguyễn Trọng T; sinh năm: 1994. Vắng mặt tại phiên tòa.

4. Người kháng cáo bà Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị N là đồng nguyên đơn.

Người kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai đối với bản án dân sự sơ thẩm số 02/2017/DS-ST ngày 05/4/2017 của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

Các bà là con gái của cụ Nguyễn Trọng Th và cụ Nguyễn Thị L. Cụ Th và Cụ L có 07 người con chung là: ông Nguyễn Trọng Trường(Hy sinh năm 1972 không có vợ con), ông Nguyễn Trọng T1, ông Nguyễn Trọng T2, ông Nguyễn Trọng T3, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị N. Cụ Th, Cụ L không có con riêng, con nuôi nào khác.

Sinh thời, Cụ Th và Cụ L sinh sống trên diện tích nhà cấp 4 ba gian, diện tích đất 149,10m² tại địa chỉ xóm Hạnh Phúc, thôn Đoài, xã Hoàng Văn T1, huyện Thanh trì, Hà Nội; nay là số 62, tổ 10 (Số cũ là 414, tổ 13), phường Hoàng Văn T1, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Năm 1973, Cụ Th chết, không để lại di chúc. Cụ L và các con sử dụng toàn bộ diện tích nhà đất. Trong thời gian sử dụng nhà đất, các con Cụ L là ông T1, ông T3, ông T2, mỗi người sử dụng một gian nhà cấp bốn. Khoảng năm 2000, ông T2, ông T3 xây dựng nhà riêng biệt để ở. Ông T1 vẫn sử dụng gian nhà cấp 4 cũ trước đây.

Năm 2002, cụ Nguyễn Thị L được Ủy ban nhân dân quận Hai Bà Trưng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2007, cụ Nguyễn Thị L chết không để lại di chúc. Hiện nay các ông Nguyễn Trọng T1, Nguyễn Trọng T2, Nguyễn Trọng T3 (Là các con trai của Cụ Th và Cụ L) đang trực tiếp quản lý sử dụng).

Sau khi Cụ L chết, do không thống nhất được việc phân chia di sản, tháng 11/2012, những người con gái của cụ Nguyễn Trọng Th, cụ Nguyễn Thị L là các bà Nguyễn Thị Mỹ, Nguyễn Thị Th và Nguyễn Thị N khởi kiện chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Trọng Th và cụ Nguyễn Thị L, là nhà đất tại thửa đất 09, tờ bản đồ số 5I-I-31, địa chỉ 414, tổ 13, phường Hoàng Văn T1, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội(Số mới là 62 ngõ Góc Đề phường Hoàng Văn T1, quận Hoàng Mai, Hà Nội).

Tại các “Thư phúc đáp” đề ngày 20/01/2013, bị đơn là ông Nguyễn Trọng T1, Nguyễn Trọng T3 trình bày:

Cụ Nguyễn Thị L và cụ Nguyễn Trọng Th là bố mẹ thân sinh của các ông. Cụ Th, Cụ L từ khi kết hôn sinh sống trên nhà đất tại làng Hoàng Mai, sau là xóm Hạnh Phúc, thôn Đoài, xã Hoàng Văn T1, huyện Thanh Trì, Hà Nội() và địa chỉ mới Số mới là 62 ngõ Góc Đề phường Hoàng Văn T1, quận Hoàng Mai, Hà Nội

Năm 1973, cụ Nguyễn Trọng Th mất, Cụ L cùng các con sử dụng nhà đất, nuôi dạy các con trưởng thành. Cụ L đã tạo mọi điều kiện để các con gái đi lấy chồng, chăm lo xây dựng chỗ ăn, chỗ ở chỗ làm việc cho các con gái tại khu vực trường Đại học Y KH, phường Trung Tự.

Năm 1985, các cặp vợ chồng của 3 người con trai phát triển đông người, được sự đồng thuận của chính quyền và nhân dân địa phương, cùng với sự nhất trí cao của các con, Cụ L đã quyết định cho 3 người con trai khu đất có nhà ở đang bị siêu vẹo trong khuôn viên nhà đất của Cụ L, Cụ Th, sửa thành nhà cấp 4 gồm 03 gian, Cụ L đã chia cụ thể như sau: Cho gia đình ông Nguyễn Trọng T1 đất ở gian giữa. Cho gia đình ông Nguyễn Trọng T2 đất ở gian bên phải. Cho gia đình ông Nguyễn Trọng T3 đất ở gian bên trái. Cụ L ở chung nhà với các con tùy sở thích. Khu phụ và sân trong khuôn viên đất ở dùng chung.

Năm 1990, gia đình ông Nguyễn Trọng T2 do phải làm trực ca đã tách ra khỏi chủ hộ khẩu là cụ Nguyễn Thị L. Ông Nguyễn Trọng T3, ông Nguyễn Trọng T1 là nhân khẩu chính trực tiếp chăm sóc phụng dưỡng Cụ L tại khuôn viên đất cho đến khi Cụ L mất(năm 2007).

Năm 1999, do nơi ở trở nên chật trội, bất tiện cho sinh hoạt. Anh em trong gia đình động viên nhau, tạo điều kiện để 3 anh em trai đi vay mượn đủ tiền để xây dựng nhà rộng thêm. Sau đó Cụ L đã cho 3 người con trai phân đất ở mà trước sử dụng chung, ai ở gian nào hướng thẳng ra mặt đường, xây tường nhà khép kín thành 3 nhà riêng biệt, liền kề nhau. Cụ thể: Ông Nguyễn Trọng T1 nhà một tầng ở giữa; ông Nguyễn Trọng T2 nhà ba tầng ở bên phải liền kề; ông

Nguyễn trọng T3 nhà hai tầng ở liền kề bên trái; Cụ L ở với ông T1, ông T3 tùy sở thích của cụ.

Như vậy, Cụ L đã cho toàn bộ 3 người con trai khuôn viên đất. Cụ L căn dặn các con trai: “ Ba anh em phải toàn tâm, toàn trí giữ vững khuôn viên đất lịch sử tổ tiên để lại, không được bán. Nếu có bị cơ nhờ phải bán thì nhớ cho các em gái một ít”. Điều này được ghi nhận như di chúc miệng.

Như vậy, nhà đất tại 414, tổ 13 phường Hoàng Văn T1 Số mới là 62 ngõ Góc Đề phường Hoàng Văn T1, quận Hoàng Mai, Hà Nội),chưa một lần xảy ra tranh chấp gì, vì không có di sản, tài sản nào để thừa kế theo pháp luật. Ba anh em ông từ trước đến nay sử dụng đất hợp pháp, chấp hành nghĩa vụ thuế, không tranh chấp với ai.

Ông T1, ông T3 khẳng định không liên quan gì đến vụ án, không nhận bất cứ giấy báo, giấy mời nào nữa của Tòa án.

Tại văn bản “ Bản kê khai về tiền sử gia đình” đề ngày 08/01/2013, ông Nguyễn Trọng T2 trình bày: Bố ông là Nguyễn Trọng Th mất năm 1973, mẹ ông là Nguyễn Thị L, mất năm 2007. Bố mẹ ông sinh được 07 người con là ông Nguyễn Trọng Trường(Hy sinh năm 1972 không có vợ con), ông Nguyễn Trọng T1, ông Nguyễn Trọng T2, ông Nguyễn Trọng T3, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị N.

Trước năm 1975, gia đình ông sinh sống ở căn nhà cấp 4 mái trước lợp ngói, mái sau lợp lá gồi vách đất, có 03 gian 02 trái. Diện tích đất gần 150m², tại địa chỉ 414, tổ 13 phường Hoàng Văn T1, quận Hoàng Mai, Hà Nội. Mặt tiền đất 07m, tiếp giáp với ngõ Góc Đề. Các cạnh, tiếp giáp với những hộ dân khác.

Năm 1985, mẹ ông có xây một căn nhà cấp 4, tường gạch xi, mái ngói diện tích khoảng 45m² gồm 03 gian. Đến năm 1997, mẹ ông có họp gia đình và nói: “ Về tương lai sẽ cho 03 anh em trai đều nhau, phần sân phía trước nhà đến mặt đường ngõ Góc Đề, thứ tự tính từ đường Minh Khai vào là của ông T2, ông T1, ông T3. Còn 03 chị em gái được 03 gian nhà cấp 4 mái ngói, thứ tự như trên là bà Th, bà M, bà Nhi”. Việc này không có văn bản, cũng không có di chúc.

Năm 1999, vợ chồng ông T3 xây căn nhà mái bằng 03 tầng bê tông trên diện tích khoảng 50m², gồm 1/3 sân giáp với mặt đường ngõ Góc Đề và dỡ bỏ 1/3 căn nhà mái ngói(phần của bà N). Kinh phí xây dựng do vợ chồng ông T3 bỏ ra.

Cuối năm 1999, tất cả các anh em đã góp tiền xây dựng cho Cụ L(mẹ ông) 01 gian nhà mái bằng bê tông, 01 tầng tại khoảng 10m² ở 1/3 sân sát với mặt đường ngõ Góc Đề, có cửa để đi vào phần sân còn lại và vào gian giữa nhà mái ngói. Để tiện cho sinh hoạt, ông T1 có tự xây cầu thang, công trình phụ, coi nói một gian nhà tạm trên nóc nhà mái bằng 01 tầng.

Năm 2000, vợ chồng ông xây dựng căn nhà bê tông 2,5 tầng, diện tích khoảng 45m², gồm 1/3 sân từ mặt đường ngõ Góc Đề vào đến gian nhà mái ngói. Dỡ bỏ toàn bộ gian nhà mái ngói để lại tường ngăn với gian giữa(Phần gian nhà

của bà Th). Lợp lại ngôi gian giữa(phần bà M) do gia đình ông T1 đã và đang ở cho đến nay. Toàn bộ việc xây dựng, do vợ chồng ông bỏ ra.

Từ khi Cụ L cho các ông xây dựng nhà cho đến khi Cụ L mất, không có bất cứ tranh chấp khiếu kiện nào của các anh em trong nhà.

Nay ông đề nghị Tòa án đứng ra hòa giải trong việc phân chia sao cho thấu tình đạt lý mà vẫn giữ được đoàn kết anh em hiện tại và về sau.

Trước khi mở phiên tòa các nguyên đơn có đơn gửi đến Tòa án quận Hoàng Mai xin rút yêu cầu chia thừa kế căn nhà, chỉ yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của mẹ là cụ Nguyễn Thị L là quyền sử dụng đất thửa đất 09, tờ bản đồ số 5I-I-31, địa chỉ 414, tổ 13, phường Hoàng Văn T1, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội(Số mới là 62 ngõ Góc Đề phường Hoàng Văn T1, quận Hoàng Mai, Hà Nội)

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 02/2017/ST-DS ngày 05/4/2017 của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai đã quyết định:

* Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Trọng Th tại thửa đất số 09, tờ bản đồ số 5I-I-31, địa chỉ 414, tổ 13, phường Hoàng Văn T1, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội (Số mới là 62 ngõ Góc Đề phường Hoàng Văn T1, quận Hoàng Mai, Hà Nội).

* Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị N, về việc yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Thị L là diện tích 85,2m² đất tại thửa đất số 09, tờ bản đồ số 5I-I-31, địa chỉ 414, tổ 13, phường Hoàng Văn T1, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội (Số mới là 62 ngõ Góc Đề phường Hoàng Văn T1, quận Hoàng Mai, Hà Nội). Giá trị di sản là 2.556.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm năm mươi sáu triệu đồng).

* Xác định thời điểm mở thừa kế di sản của cụ Nguyễn Thị L ngày 26/4/2007, khi cụ Nguyễn Thị L chết.

* Xác định di sản của cụ Nguyễn Thị L là diện tích 85,2m² đất thuộc thửa đất số 09, tờ bản đồ số 5I-I-31, địa chỉ 414, tổ 13, phường Hoàng Văn T1, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội (Số mới là 62 ngõ Góc Đề phường Hoàng Văn T1, quận Hoàng Mai, Hà Nội). Giá trị di sản là: 2.556.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm năm mươi sáu triệu đồng).

* Xác định những người thừa kế hàng thứ nhất của cụ Nguyễn Thị L gồm: ông Nguyễn Trọng T1, ông Nguyễn Trọng T2, ông Nguyễn Trọng T3, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị N. Mỗi người được hưởng phần di sản là: 14,2m², có giá trị: 426.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi sáu triệu đồng).

*** Chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị L theo giá trị tài sản.**

Xác định ông Nguyễn Trọng T1 đang sử dụng diện tích 61,2m² đất, thuộc thửa đất số 09, tờ bản đồ số 5I-I-31, địa chỉ 414, tổ 13, phường Hoàng Văn T1, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội (Số mới là 62 ngõ Góc Đề, phường Hoàng Văn T1,

quận Hoàng Mai, Hà Nội). Giá trị sử dụng 1.836.000.000 đồng (Một tỷ, tám trăm ba mươi sáu triệu đồng).

So với kỷ phần được hưởng, buộc ông Nguyễn Trọng T1 phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị N số tiền 771.000.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi triệu đồng).

Xác định ông Nguyễn Trọng T3 đang sử dụng 43,24m² đất, thuộc thửa đất số 09, tờ bản đồ số 5I-I-31, địa chỉ 414, tổ 13, phường Hoàng Văn T1, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội (Số mới là 62 ngõ Góc Đề, phường Hoàng Văn T1, quận Hoàng Mai, Hà Nội). Giá trị sử dụng 1.297.200.000 đồng (Một tỷ, hai trăm chín mươi bảy triệu, hai trăm nghìn đồng).

So với kỷ phần được hưởng, buộc ông Nguyễn Trọng T3 phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị N số tiền 232.200.000 đồng (Hai trăm, ba mươi hai triệu, hai trăm nghìn đồng).

Xác định ông Nguyễn Trọng T2 sử dụng diện tích 44,66m² đất, thuộc thửa đất số 09, tờ bản đồ số 5I-I-31, địa chỉ 414, tổ 13, phường Hoàng Văn T1, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội (Số mới là 62 ngõ Góc Đề, phường Hoàng Văn T1, quận Hoàng Mai, Hà Nội). Giá trị sử dụng: 1.339.800.000 đồng (Một tỷ, ba trăm, ba mươi chín triệu, tám trăm nghìn đồng).

Buộc ông Nguyễn Trọng T2 phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị N số tiền 274.800.000 đồng (Hai trăm bảy mươi tư triệu tám trăm nghìn đồng).

Các bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị N mỗi người được nhận kỷ phần 426.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi sáu triệu đồng) trong tổng số tiền các ông Ông Nguyễn Trọng T1, Nguyễn Trọng T2, Nguyễn Trọng T3 thanh toán.

Sau khi thanh toán kỷ phần cho bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị N. Ông Nguyễn Trọng T1, Nguyễn Trọng T2, Nguyễn Trọng T3 được quyền sử dụng diện tích đất, sở hữu các tài sản trên đất như hiện trạng. Các ông T2, ông T3, ông T1 phải đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kê khai quyền sử dụng đất và chấp hành các quy định về nghĩa vụ của người sử dụng đất.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, lãi suất và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/4/2019, Bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Ngày 20/4/2019, Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai có quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 02/QĐKNPT-VKS-DS đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm theo hướng hủy toàn bộ bản án số 02/2017/DS-ST.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn là các bà Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị N thống nhất trình bày các bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chia di sản thừa kế của bố mẹ các bà là cụ Nguyễn Trọng Thọ và cụ Nguyễn Thị L để lại theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của các bà Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị N là bà Lê Thị C thống nhất với lời trình bày của đồng nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội vẫn giữ nguyên nội dung trong quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 02/QĐKNPT-VKS-DS của Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai.

Về tố tụng: Do có sự thay đổi Hội đồng xét xử nên vụ án bị kéo dài quá thời hạn xét xử phúc thẩm. Các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Nhận thấy:

Về hình thức: Các nguyên đơn là bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị N làm đơn kháng cáo trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo về hình thức là hợp lệ.

Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai kháng nghị trong hạn luật định.

Về nội dung:

Cụ Nguyễn Trọng Th, sinh năm: 1917, mất năm 1973 và cụ Nguyễn Thị L, sinh năm: 1927, mất ngày 26/4/2007 sinh được 07 người con: Ông Nguyễn Trọng T1, sinh năm: 1943; ông Nguyễn Trọng Trường, sinh năm: 1946 đã hy sinh năm 1972 không có vợ con; ông Nguyễn Trọng T2, sinh năm: 1952; bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1955; ông Nguyễn Trọng T3, sinh năm: 1957; bà Nguyễn Thị Th sinh năm: 1960; bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1963.

Di sản cụ Nguyễn Trọng Th và cụ Nguyễn Thị L để lại là Diện tích đất 149,1m² tại thửa đất số 09, tờ bản đồ số 5I-I-31, địa chỉ 414, tổ 13, phường Hoàng Văn T1, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội(Số mới là 62 ngõ Góc Đề phường Hoàng Văn T1, quận Hoàng Mai, Hà Nội) đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số X0749846 do UBND quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội cấp cho bà Nguyễn Thị L (Chồng là: Nguyễn Trọng Th đã chết) ngày 02/7/2002.

Cụ Th chết năm 1973, Cụ L chết năm 2007 bản án sơ thẩm xác định Cụ Th chết năm 1973 nên hết thời hiệu chia thừa kế, nên đình chỉ yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Trọng Th là chưa phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự 2015

Theo quy định tại Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 về áp dụng thời hiệu, Điều 623 về thời hiệu chia thừa kế, Điều 36 Pháp lệnh Thừa kế năm 1990 và Hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19-10-1990 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh thừa kế thì thời hiệu thừa kế đối với bất động sản là 30 năm, do vậy thời hiệu thừa kế phân di sản của cụ Nguyễn Trọng Th vẫn còn. Các đương sự có yêu cầu chia di sản thừa kế thì thời điểm mở thừa kế của cụ Nguyễn Trọng Th là năm 1973 và thời điểm mở thừa kế của cụ Nguyễn Thị L là ngày 26/4/2007.

Do cấp sơ thẩm chưa chia di sản của Cụ Th mà lại đình chỉ yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Trọng Th nên để bảo đảm nguyên tắc xét xử cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm cần phải hủy án sơ thẩm và giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật mới đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm có sự thay đổi của pháp luật nên thẩm phán sơ thẩm không có lỗi chủ quan trong việc giải quyết vụ án.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của các bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị N.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Về án phí:

Án phí phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm các bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí phúc thẩm các bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị N được nhận lại dự phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ: Khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 05/4/2017 của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội về vụ án “Tranh chấp chia thừa kế” giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:**

- Bà Nguyễn Thị M; sinh năm 1955.

- Bà Nguyễn Thị Th; sinh năm: 1960.

Bà M, bà Th cùng trú tại: Phòng X B2 tập thể Khương Thượng, phường Khương Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

- Bà Nguyễn Thị N; sinh năm: 1963; trú tại: Y tập thể Đại học Y Hà Nội, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Các nguyên đơn ủy quyền cho:

- Bà Lã Thị C; sinh năm: 1954; đăng ký hộ khẩu thường trú: số 18 phố Tuệ Tĩnh, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

- Bà Bạch Tuyết H; sinh năm: 1965; trú tại: phòng 509 K12 Bách KH, phường Bách KH, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

*** Bị đơn:**

- Ông Nguyễn Trọng T1; sinh năm: 1943.

- Ông Nguyễn Trọng T2; sinh năm: 1952.

- Ông Nguyễn Trọng T3; sinh năm: 1957.

Ông T1, ông T2, ông T3 cùng trú tại: Số 62, tổ 13, ngõ Góc Đê, phường Hoàng Văn T1, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội. (Số cũ là 414, tổ 13, phường Hoàng Văn T1, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội).

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Chị Nguyễn Thu H; sinh năm: 1986; trú tại: 673/61/31 Ngọc Hồi, Khu X3, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

- Bà Phạm Thị Q; sinh năm: 1973.

- Bà Kim Thị N; sinh năm: 1958.

- Bà Bùi Thị Thanh H; sinh năm: 1964.

- Chị Nguyễn Thị Kim N; sinh năm: 1987.

- Chị Nguyễn Thị P.A; sinh năm: 1994.

- Chị Nguyễn Thị Cẩm T; sinh năm: 1988.

- Anh Nguyễn Trọng T; sinh năm: 1994.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội tiếp tục giải quyết theo trình tự sơ thẩm theo thủ tục chung.

3. Về án phí:

Án phí phúc thẩm: các bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí phúc thẩm; các bà M, bà Th, bà N được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàng Mai theo các biên lai số AA/2015/0001959, số AA/2015/0001960, số AA/2015/0001961 lập ngày 11/4/2017.

Tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm được giữ lại để tiếp tục giải quyết vụ án.

4. Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Tòa tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND quận Hoàng Mai ;
- Chi cục THADS quận Hoàng Mai;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Như Lâm